

Số: 06 /GPMT-UBND

Tuy Phong, ngày 11 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 16/2024/CVMT-CO.OPMART ngày 07/5/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “siêu thị CO.OP MART Phan Rí Cửa” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, tại Tờ trình số 129/TTr-TNMT ngày 06 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ liên hệ tại khu phố Minh Tân, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị CO.OP MART Phan Rí Cửa”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở :

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị CO.OP MART Phan Rí Cửa.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu phố Minh Tân, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Chi nhánh Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận, cấp giấy đăng ký kinh doanh số: 0301175691-047, đăng ký lần đầu ngày 11/9/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-047

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: mua sắm tổng hợp và giải trí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Công suất của cơ sở: Tổng quy mô diện tích đất xây dựng là 6.741,6 m². Trong đó, đầu tư xây dựng các hạng mục như: khối siêu thị diện tích 3.000m²; nhà xe có mái che diện tích 200m²; nhà phụ diện tích 30m²; đất giao thông, sân bãi diện tích 3511,6m²;

- Diện tích dự án: 6.859,8 m². Trong đó: diện tích đất nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ: 6.741,6m²; diện tích đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ 118,2 m²;

- Cơ sở có tiêu chí như cơ sở nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như cơ sở nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày 11/6/2024 đến ngày 11/6/2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án/cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện (đ/c Thuấn);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công an huyện;
- UBND thị trấn Phan Rí Cửa;
- Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Thuấn



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **06**/GPMT-UBND ngày **11** tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách đến mua hàng hóa;

Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ khu vực sơ chế, chế biến, nhà bếp và kinh doanh ăn uống có hoạt động rửa nguyên liệu;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau xử lý của cơ sở, cho tự thấm trong phạm vi khuôn viên Siêu thị tại khu phố Minh Tân, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong với lưu lượng lớn nhất 30 m³/ngày.đêm.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Đầu nối ống xả chôn ngầm xả ra nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ, xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN 2000-BT, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3⁰: X (m)= 1.236.388; Y (m)= 508.059.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày.đêm.**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

Nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép, xả thải theo phương thức bơm cưỡng bức theo đường ống D24-60 để thoát ra môi trường tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (20/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, k=1.2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K= 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	Định kỳ 6 tháng/ lần. Được quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	Không có
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	7,2		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- **Nguồn số 01:** Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách đến mua hàng hóa, sản phẩm. Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà vệ sinh của Cơ sở, được dẫn ra bể tự hoại cải tiến 03 ngăn (*tổng số lượng bể tự hoại hiện có trong Cơ sở là 03 bể, bao gồm: bể tự hoại số 01 dung tích 3,0 m³, bể tự hoại số 02 dung tích 5,0 m³ và bể tự hoại số 03 dung tích 25 m³*), sau khi nước thải qua bể tự hoại được dẫn ra

tuyến thu gom nước thải chung của Cơ sở để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

- **Nguồn số 02:** Nước thải phát sinh từ khu vực sơ chế, chế biến, nhà bếp và kinh doanh ăn uống có hoạt động rửa nguyên liệu. Lưu lượng nước thải từ nguồn này được đưa ra bể tách mỡ nhằm xử lý sơ bộ (*tổng số lượng bể tách dầu hiện có trong Cơ sở là 03 bể, bao gồm: bể tách mỡ số 01 dung tích 5,0 m³, bể tách mỡ số 02 dung tích 3,0 m³ và bể tách mỡ số 03 dung tích 5,0 m³*). Sau khi nước thải qua bể tách mỡ, được dẫn ra tuyến thu gom nước thải chung của Cơ sở để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở.

- Hệ thống thu gom nước thải chung để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở được sử dụng là ống nhựa uPVC uPVC Ø90 mm – Ø200 mm, độ dốc $i = 0,5\%$, đặt âm dưới đất. Tổng chiều dài tuyến thu gom nước thải của Cơ sở là $L = 100$ m. Trên tuyến thu gom nước thải có bố trí các hố ga, tổng số hố ga trên toàn tuyến là 11 hố ga có kích thước giống nhau ($dài \times rộng \times sâu = 1,0m \times 1,0 m \times 1,0 m$).

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt Cột A, $K=1,2$ theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi xả ra môi trường, khu phố Minh Tân, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách đến mua hàng hóa (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn) + Nước thải phát sinh từ khu vực sơ chế, chế biến, nhà bếp và kinh doanh ăn uống có hoạt động rửa nguyên liệu (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ) → Hố thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể sinh học MBR → Bể chứa sau xử lý kết hợp khử trùng → đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, $k=1,2$.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 30 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Hóa chất khử trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Không xả nước thải chưa được xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép ra môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố. Không sử dụng chung

công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải với công trình thu gom, lưu giữ và thoát nước mưa, công trình lưu giữ nước phòng cháy, chữa cháy.

- Khi xảy ra sự cố đối với nước thải, tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, cải tạo công trình xử lý, đồng thời báo với cơ quan có chức năng để phối hợp, quản lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, thực hiện bơm nước thải quay vòng về bể để lưu chứa (tổng thể tích lưu chứa $V = 25 \text{ m}^3$, thời gian lưu chứa trong 1 ngày), sau đó bộ phận kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tiến hành ngay việc sửa chữa, khắc phục sự cố kỹ thuật và khi đã hoàn thành xong việc khắc phục đảm bảo các yêu cầu thì để nước thải tự chảy và đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng hoặc tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa; trang bị các thiết bị, máy móc dự phòng để đảm bảo trong sửa chữa và thay thế khi có hỏng hóc.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải qua các công đoạn xử lý để đánh giá hiệu quả, phát hiện các sự cố và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ quý III/2024 đến hết quý IV/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu nước thải: 01 mẫu nước thải trước xử lý; 03 mẫu nước thải sau xử lý cho 03 ngày liên tục. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X (m) = 1.236.388; Y (m) = 508.059.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1,2)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; theo đề xuất của Công ty đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án đảm bảo đạt giá trị giới hạn

cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này; không được xả nước thải chưa xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép ra môi trường

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này

3.3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát mạng lưới thu gom nước thải nhằm phát hiện kịp thời, sửa chữa, khắc phục và tránh việc để nước thải chưa qua xử lý đạt giá trị cho phép chảy tràn ra môi trường xung quanh; tổ chức khơi thông, nạo vét chất thải định kỳ đảm bảo việc lưu thông, thu gom toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập để xử lý theo quy định;

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật, chế độ vận hành nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và chất lượng nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thường xuyên kiểm tra, giám sát định kỳ các thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện, sửa chữa và khắc phục sự cố. Nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép xả thải vào nguồn tiếp nhận phải thực hiện theo đúng phương thức xả thải và vị trí được cấp phép;

- Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng men sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm;

- Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm giảm thiểu lượng nước thải phát sinh.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 06/GPMT-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, rung từ nhà vận hành hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí);
- Nguồn số 02: tiếng ồn, rung từ máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 03: tiếng ồn, độ rung từ hoạt động vui chơi giải trí trong Siêu thị.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3° , cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: tọa độ: X (m)= 1.236.385; Y (m)= 508.056
- Nguồn số 02: tọa độ: X (m)= 1.236.382; Y (m)= 508.051
- Nguồn số 03: tọa độ: X (m)= 1.236.365; Y (m)= 508.056

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không quy định	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	Không quy định	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí khu vực đặt máy phát điện và các máy móc trong hoạt động của cơ sở cách biệt với khu vực làm việc, nơi tập trung hộ dân cư; thực hiện che chắn xung quanh khu vực đặt máy, xây dựng tường cao.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Trồng cây xanh, xây tường rào bằng gạch xung quanh dự án để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát tán ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này; đồng thời, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc và QCVN 27:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

2.2. Nâng cấp, thay thế các thiết bị, máy móc đã cũ có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh hoạt động sản xuất; đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc và ngoài phạm vi của dự án.

2.3. Khu vực hoạt động máy phát điện xây dựng riêng biệt với khu làm việc và khu dân cư, tường xây cao, xe ra vào dự án yêu cầu đi với tốc độ chậm, không chở quá tải, hạn chế bóp còi trong khu vực chờ.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 06/GPMT-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (NH), chất thải công nghiệp phải được kiểm soát (KS) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực thải)	08 02 04	10,0
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5,0
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	25,0
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30,0
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5,0
	Tổng khối lượng		75

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại (kg/ngày.đêm)
1	Thùng carton, bao bì nhựa, chai nhựa, kim loại bỏ, thủy tinh, sành sứ, thùng xốp, bùn thải tại HTXLNT,...	150
	Tổng khối lượng	150

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngàyđêm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	150
	Tổng khối lượng	150

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải được kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có nắp loại 50-660lit.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 5 m²

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy,....

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có nắp loại 50-660lit.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 17 m²

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: khu vực lưu giữ có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực.

- Lượng chất thải rắn này đa phần là phế liệu có thể tái chế. Công ty đã thu gom vào bao chứa xếp gọn gàng trong nhà kho, định kỳ bán cho đơn vị có chức năng thu gom, kinh doanh phế liệu.

- Lượng không thể tái chế chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Đầu tư Môi trường Xuất nhập khẩu Tây Thuận đến thu gom, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Dự án bố trí các thùng rác dung tích 50-660l, đặt tại khu vực thuận tiện cho việc thu gom bao gồm: khu vực đường nội bộ, nhà ăn, nhà văn phòng, khu vui chơi, mua sắm, cổng ra vào sân đường nội bộ,... mỗi vị trí chủ dự án sẽ bố trí các thùng hợp lý (thể hiện màu sắc để khách hàng dễ phân biệt, phân loại rác).

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 10,0 m²

- Trong kho lưu giữ, bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy có dung tích 220 lít, 660 lít,... để chứa rác sau khi thu gom từ các thùng rác có dung tích 50 lít đặt dọc xung quanh đường nội bộ, khu ẩm thực, nhà bếp, văn phòng,... của Cơ sở. Chủ Cơ sở ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác sinh hoạt là Ban quản lý Công trình công cộng huyện Tuy Phong hàng ngày đến thu gom và vận chuyển đi xử lý đúng quy định. Riêng đối với chất thải có khả năng tái chế tận dụng, chủ Cơ sở cho các hộ dân xung quanh để vận chuyển ra khỏi Cơ sở làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Để hạn chế mùi từ chất thải sinh hoạt phát sinh ảnh hưởng đến người dân xung quanh, do đó phương án vận chuyển rác sinh hoạt của Cơ sở là Cơ sở không đưa chất thải ra cổng và cuối giờ chiều, phương tiện vận chuyển rác của Ban quản lý Công trình công cộng huyện Tuy Phong chạy thẳng vào khu vực lưu giữ để trực tiếp gom rác lên xe chuyên dụng và vận chuyển đi chôn lấp hợp vệ sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các quy định tại Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 06/GPMT-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh được nêu trong báo cáo đề xuất và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn Việt Nam cho phép trước khi thải ra môi trường. Lập nhật ký vận hành đối với hệ thống xử lý nước thải.

3. Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,.. theo quy định hiện hành. Đồng thời, tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Thực hiện các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải, mùi hôi, ... tại hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu vực máy phát điện dự phòng và khu vực khác phát sinh trong quá trình vận hành, hoạt động theo quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

